

PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG BẢN ĐỒ THEO HƯỚNG PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ

NGUYỄN VĂN LUYỆN*

TÓM TẮT

Bản đồ là phương tiện không thể thiếu trong dạy học Địa lí. Phương pháp sử dụng bản đồ theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh (HS) sẽ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí. Một trong những biện pháp để phát huy tính tích cực của HS là sử dụng bản đồ tổ chức các hoạt động dạy học, đưa HS tham gia các hoạt động và tích cực xây dựng kiến thức nhằm giải quyết những nhiệm vụ đề ra.

Từ khóa: phương pháp sử dụng bản đồ, tính tích cực, hoạt động dạy học.

ABSTRACT

Utilizing maps in teaching geography to improve student's activeness

Map is an indispensable device in teaching geography. Utilizing maps in teaching geography to improve student's activeness will help enhance the efficiency of using maps in teaching geography. One of the solutions to improving student's activeness is using maps to organize teaching activities, engaging students actively in building their knowledge to solve given tasks.

Keywords: map utilization, activeness, teaching activity.

1. Đặt vấn đề

Bản đồ là phương tiện không thể thiếu được trong dạy học Địa lí. Bản đồ không chỉ là phương tiện dạy học trực quan mà quan trọng hơn, nó là một nguồn tri thức giúp HS tiến hành các thao tác tư duy để lĩnh hội kiến thức một cách sâu sắc và bền vững, phát huy tính tích cực của HS trong dạy học Địa lí. Tuy nhiên, việc sử dụng bản đồ trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông hiện nay nói chung vẫn còn ở mức độ xem bản đồ là một phương tiện trực quan dùng để minh họa cho nội dung bài học, không phát huy được tính tích cực của HS, làm hạn chế chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học. Vì vậy, nghiên cứu phương pháp sử

dụng bản đồ theo hướng phát huy tính tích cực của HS trong dạy học Địa lí sẽ phát huy hết vai trò của bản đồ, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học Địa lí ở trường phổ thông.

2. Bản đồ và vai trò của bản đồ trong dạy học Địa lí

Trong nghiên cứu khoa học, mô hình hóa được coi là phương pháp nhận thức khoa học gián tiếp, giúp thu nhận những tri thức mới về đối tượng nhận thức thông qua nghiên cứu đối tượng tương tự - gọi là các mô hình nghiên cứu. Trong nghiên cứu địa lí, phương pháp mô hình hóa được coi là phương pháp nghiên cứu cơ bản vì đối tượng nhận thức của địa lí là các sự vật, hiện tượng muôn hình

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: nvluyensp@yahoo.com

vạn trạng, phân bố trong một không gian rộng lớn với các mối liên hệ đa dạng, phức tạp.

Dạy học thực chất là quá trình tổ chức hoạt động nhận thức cho HS, nhằm giúp các em thu nhận những tri thức, chân lí đã được tìm ra và đã được thừa nhận. Trong quá trình này, mô hình là một phương tiện nhận thức đặc biệt hữu hiệu, về hành động nhận thức là trực quan, còn về tính chất và mức độ nhận thức là trừu tượng, khái quát. Chính vì thế, phương pháp mô hình hóa cũng là phương pháp cơ bản trong quá trình dạy học.

Bản đồ với tư cách “Là mô hình kí hiệu hình tượng không gian của các đối tượng và hiện tượng tự nhiên và xã hội, được thu nhỏ, được khái quát hóa, theo một cơ sở toán học nhất định nhằm phản ánh vị trí, sự phân bố, mối quan hệ giữa các đối tượng, hiện tượng và cả những biến đổi của chúng theo thời gian để thỏa mãn yêu cầu đã định trước” đã trở thành phương tiện không thể thiếu được và phương pháp bản đồ đã trở thành phương pháp đặc trưng trong nghiên cứu cũng như dạy học Địa lí.

Vai trò của bản đồ trong dạy học Địa lí vô cùng to lớn: Về mặt kiến thức, bản đồ có khả năng phản ánh sự phân bố, tình trạng và những mối liên hệ của các đối tượng, hiện tượng địa lí trên bề mặt trái đất một cách cụ thể và sinh động mà không một phương tiện nào có thể thay thế được; là công cụ duy nhất giúp HS nhận thức được các đối tượng, hiện tượng diễn ra trên một không gian rộng lớn mà HS không có điều kiện tri giác trực tiếp

và cả những đối tượng, hiện tượng không thể tri giác được. Về mặt phương pháp, bản đồ được coi là phương pháp đặc trưng trong dạy học Địa lí, bản đồ không chỉ là phương tiện trực quan mà còn là nguồn tri thức vô cùng phong phú, được coi như cuốn sách giáo khoa thứ hai, giúp HS khai thác kiến thức, rèn luyện kĩ năng và phát triển tư duy địa lí.

3. Tính tích cực và biện pháp phát huy tính tích cực của HS trong quá trình dạy học

3.1. Tính tích cực của HS trong quá trình dạy học

Quá trình dạy học là quá trình thống nhất giữa hoạt động dạy và hoạt động học, trong đó, hoạt động học là một hoạt động nhận thức nhưng là một hoạt động nhận thức đặc biệt dưới sự điều khiển của giáo viên. Như chúng ta đã biết, nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong óc con người nhưng không phải là sự phản ánh đơn giản mà là một hoạt động gồm các quá trình, với những mức độ khác nhau, từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lí tính. Vì vậy, bất kì sự nhận thức nào, trong đó có hoạt động học, cũng đều là quá trình tích cực.

Từ quan niệm học là hoạt động nhận thức tích cực, hoạt động dạy của thầy không còn là sự truyền thụ kiến thức, những sản phẩm có sẵn, mà cần phải tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức của HS, nghĩa là xây dựng quy trình các thao tác chỉ đạo hoạt động nhận thức của HS, hình thành cho HS nhu cầu học tập, tìm tòi kiến thức, kích thích năng lực sáng tạo, năng lực tổ chức lao động trí óc

một cách hợp lí, giúp định hướng vào những nguồn thông tin phong phú và đa dạng để khai thác tri thức. Muốn nắm kiến thức một cách sâu sắc và vững chắc, HS phải thực hiện một chu trình đầy đủ những hoạt động trí tuệ. Nhiệm vụ của giáo viên là tìm mọi phương pháp và biện pháp khác nhau nhằm khơi dậy, phát huy tính tích cực của HS trong quá trình dạy học. Đó không chỉ là biện pháp nâng cao chất lượng dạy học mà còn là mục tiêu của nhà trường.

3.2. Biện pháp phát huy tính tích cực của HS trong quá trình dạy học

Phát huy tính tích cực của HS là nhiệm vụ quan trọng của việc dạy học ở trường phổ thông. Cơ sở của việc dạy học không thể chỉ là sự ghi nhớ thông tin mà giáo viên cung cấp cho HS, mặc dù điều này cũng là một nhiệm vụ quan trọng, mà phải là sự tham gia tích cực của chính HS vào trong quá trình tiếp thu thông tin đó, là sự tư duy độc lập của các em, là sự hình thành dần dần năng lực độc lập trau dồi tri thức, năng lực tự học. Vì vậy nhiệm vụ chủ yếu của các nhà giáo dục là tìm ra những biện pháp phát huy tính tích cực của HS.

Về biện pháp phát huy tính tích cực của HS trong quá trình dạy học, các nhà giáo dục đã đưa ra rất nhiều biện pháp khác nhau. Điều này phản ánh tính phức tạp của việc phát huy tính tích cực, nó đòi hỏi sự tác động đồng thời của nhiều biện pháp khác nhau, từ các biện pháp tác động vào ý thức, nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập của HS; các biện pháp tác động vào phương pháp dạy học, đến các biện pháp liên quan đến nội dung, cơ sở

vật chất, phương tiện kĩ thuật của việc dạy học.

Dưới góc độ phương pháp dạy học, các nhà giáo dục cũng đưa ra nhiều phương pháp khác nhau nhưng tựu trung lại các nhà giáo dục đều có chung một quan điểm là: để phát huy tính tích cực của HS trong dạy học cần phải tổ chức các hoạt động, đưa HS vào các hoạt động và làm cho HS tham gia tích cực vào việc xây dựng kiến thức nhằm giải quyết những nhiệm vụ đề ra. Tuy nhiên, các nhà giáo dục cũng lưu ý cần phân biệt tính tích cực và trạng thái hoạt động bề ngoài vì tính tích cực và trạng thái hoạt động bề ngoài có thể giống nhau ở biểu hiện bên ngoài nhưng lại khác nhau về bản chất. Bản chất của tính tích cực biểu hiện chủ yếu ở ý thức của chủ thể hoạt động chứ không chỉ biểu hiện bên ngoài. Tính tích cực đối với HS đòi hỏi phải có các yếu tố như: tính lựa chọn thái độ đối với đối tượng nhận thức, xác định mục đích, nhiệm vụ cần giải quyết và tiến hành giải quyết vấn đề nhằm nhận thức đối tượng.

4. Sử dụng bản đồ theo hướng phát huy tính tích cực của HS trong dạy học Địa lí

Sử dụng bản đồ theo hướng phát huy tính tích cực của HS là nghiên cứu sử dụng bản đồ để thiết kế các hoạt động nhận thức cho HS. Để có thể thiết kế được các hoạt động có ý nghĩa, giáo viên cần tiến hành công tác chuẩn bị gồm 3 nội dung:

a. Phân tích và đánh giá bản đồ

Đây là việc làm thông thường trước khi sử dụng bản đồ vào một mục đích nào đó.

Trên cơ sở hướng sử dụng đã được xác định, giáo viên tiến hành phân tích và đưa ra những chỉ tiêu đánh giá bản đồ.

Phân tích bản đồ là phân tích các yếu tố cấu thành bản đồ. Để có thể khai thác các kiến thức chứa đựng trong bản đồ một cách hiệu quả cần phải phân tích các yếu tố cấu thành này vì trong mỗi yếu tố chứa đựng các kiến thức tương ứng có thể khai thác để phục vụ cho các mục tiêu sư phạm khác nhau của quá trình dạy học. Phân tích bất kì một bản đồ nào ta cũng thấy gồm các yếu tố sau đây (xem hình 1):

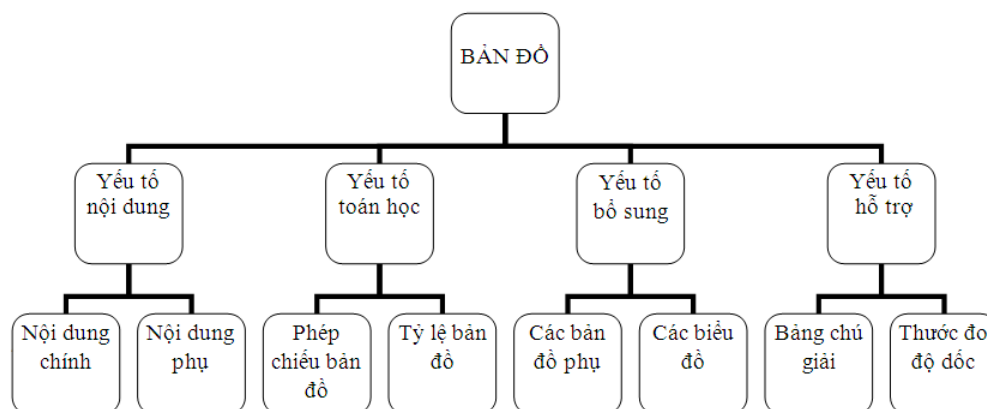
- Yếu tố nội dung: Là những thông tin cần thiết về các đối tượng, hiện tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội với những tính chất về sự phân bố, tình trạng, những mối liên hệ và sự phát triển của chúng được biểu hiện trên bản đồ thông qua một hệ thống các kí hiệu và các phương pháp biểu hiện bản đồ. Để có thể phân tích được nội dung bản đồ, cần phải có những

kiến thức cơ bản về bản đồ, đặc biệt là những kiến thức về kí hiệu bản đồ và các phương pháp biểu hiện bản đồ.

- Yếu tố toán học: Là những cơ sở toán học dùng để xây dựng và biểu hiện bản đồ, gồm: phép chiếu bản đồ, tỉ lệ bản đồ... Đây là cơ sở để tiến hành công tác đo tính trên bản đồ nhằm có được những thông số cần thiết phục vụ cho quá trình dạy học.

- Yếu tố bổ sung: Là những thông tin cũng thuộc về nội dung bản đồ nhưng không được đưa vào bản đồ chính. Những thông tin này làm phong phú thêm nội dung bản đồ như: các bản đồ phụ, các biểu đồ, các bảng số liệu...

- Yếu tố hỗ trợ: Là những phương tiện giúp cho việc đọc và các thao tác khác trên bản đồ được dễ dàng hơn như: bảng chú giải, thước đo độ dốc, đo góc..., trong đó quan trọng nhất là bảng chú giải, vì nó giải thích tất cả các kí hiệu được sử dụng trên bản đồ.



Hình 1. Sơ đồ các yếu tố cấu thành bản đồ

b. Xác định nội dung dạy học

Bản đồ là nguồn kiến thức phong phú, đa dạng, do đó giáo viên cần chọn lọc kiến thức cần thiết và phù hợp với bài học. Muốn vậy, giáo viên cần xác định nội dung dạy học. Xác định nội dung dạy học là xác định các đơn vị kiến thức cơ bản, các đơn vị kiến thức thành phần và sắp xếp chúng theo một trình tự logic, chặt chẽ, phù hợp với logic nội dung khoa học của bài học và đặc điểm lĩnh hội tri thức của HS. Việc xác định nội dung dạy học sẽ giúp xác định các kiến thức có thể khai thác từ các yếu tố của bản đồ phục vụ cho việc dạy học các đơn vị kiến thức đã được xác định.

c. Thiết kế các hoạt động dạy học

Mỗi giờ học được thiết kế thành một chuỗi các hoạt động phối hợp của giáo viên và HS. Mỗi hoạt động nhằm đạt được mục tiêu sư phạm nhất định, được giới hạn trong một khoảng thời gian nhất định và được thực hiện thông qua các tác động của giáo viên (hướng dẫn, chỉ đạo) và các thao tác trí tuệ (quan sát, phân tích, tổng hợp...), các thao tác thực hành (phân tích bản đồ, xử lý số liệu, biểu đồ...) của HS. Các hoạt động sẽ giúp tích cực hóa quá trình học tập của HS, làm cho việc lĩnh hội tri thức của HS bền vững hơn, đồng thời cũng giúp phát triển các năng lực chuyên biệt cho HS.

5. Ví dụ minh họa

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trích dẫn một hoạt động dạy học được thiết kế cho tiểu mục a) *Tình hình sản xuất lương thực*, trong mục 1) Sản xuất lương thực, bài 22. Vấn đề phát triển nông nghiệp, Địa lí lớp 12, nhằm minh

họa cho việc sử dụng bản đồ để tổ chức các hoạt động học tập nhằm phát huy tính tích cực của HS. Khi tiến hành thiết kế hoạt động dạy học tiểu mục này, ngoài bản đồ *Nông nghiệp chung*, trang 18, atlas Địa lí Việt Nam (hình 1, phụ lục), được sử dụng để xác định các vùng nông nghiệp trồng nhiều lúa, giáo viên có thể sử dụng bản đồ *Lúa năm 2007*, trang 19, atlas Địa lí Việt Nam (hình 2, phụ lục) theo các bước sau đây:

a. Bước 1: Phân tích và đánh giá bản đồ

- Phân tích yếu tố nội dung: Nội dung của bản đồ này gồm có:

+ Diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh: Nội dung này được biểu hiện bằng phương pháp bản đồ - biểu đồ. Phương pháp này sử dụng các biểu đồ cột đôi: cột màu xanh lá biểu hiện diện tích trồng lúa, độ cao của cột biểu hiện diện tích với qui định 1mm ứng với 50.000 ha và cột màu cam biểu hiện sản lượng lúa, độ cao của cột biểu hiện sản lượng với quy định 1mm ứng với 100.000 tấn. Phương pháp này biểu hiện diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh trong phạm vi cả nước, trong đó, các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng được biểu hiện bằng những biểu đồ có độ cao các cột lớn hơn nhiều so với các tỉnh khác, đặc biệt là các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long.

+ Tỷ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực: Nội dung này được biểu hiện bằng phương pháp bản đồ - mật độ. Phương pháp này dùng thang tỉ lệ: dưới 60%, từ 60% - 70%, từ trên 70% - 80%, từ trên 80% - 90% và trên 90% với thang màu từ trắng đến vàng nhạt,

vàng đậm và cam để biểu hiện tỉ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực của các tỉnh trong phạm vi cả nước, trong đó các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng là những tỉnh có tỉ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực đều trên 90%.

- Phân tích yếu tố toán học: Yếu tố toán học của bản đồ này chỉ có tỉ lệ bản đồ. Tỉ lệ của bản đồ này là 1:9.000.000, nghĩa là 1cm trên bản đồ tương ứng với 90km ngoài thực tế. Tỉ lệ này thuộc tỉ lệ nhỏ nên mức độ khái quát hóa của bản đồ này khá cao.

- Phân tích yếu tố bổ sung: Yếu tố bổ sung của bản đồ gồm có:

+ Biểu đồ diện tích và sản lượng lúa cả nước qua các năm: Đây là biểu đồ kết hợp giữa biểu đồ cột màu cam, biểu hiện sản lượng lúa, đơn vị nghìn tấn và biểu đồ tròn màu xanh lá, biểu hiện diện tích trồng lúa, đơn vị nghìn ha. Biểu đồ này cho thấy sự biến động về diện tích trồng lúa và sản lượng lúa của cả nước qua 3 năm 2000, 2005 và 2007 với những số liệu tuyệt đối.

+ Biểu đồ giá trị sản xuất cây lương thực trong tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt: Đây là các biểu đồ tròn biểu hiện tỉ lệ giá trị sản xuất cây lương thực trong tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt của 3 năm 2000, 2005 và 2007. Các biểu đồ này cho thấy sự biến động của tỉ lệ giá trị sản xuất cây lương thực trong tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt của cả nước qua 3 năm 2000, 2005 và 2007 mặc dù có sự giảm nhẹ nhưng đều trên 50%. Điều này cho thấy vai trò quan

trọng của sản xuất lương thực trong cơ cấu ngành trồng trọt nước ta.

- Phân tích yếu tố hỗ trợ: Yếu tố hỗ trợ của bản đồ này chỉ có bảng chú giải giải thích các kí hiệu được sử dụng để biểu hiện diện tích trồng lúa, sản lượng lúa và tỉ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực.

b. Bước 2: Xác định nội dung dạy học

Nội dung dạy học trong ví dụ này là tiểu mục a) *Tình hình sản xuất lương thực*, được coi là một đơn vị kiến thức cơ bản. Xác định nội dung dạy học là xác định các đơn vị kiến thức thành phần của đơn vị kiến thức cơ bản này. Dựa vào nội dung bài học trong sách giáo khoa có thể xác định được các đơn vị kiến thức thành phần của tiểu mục này gồm có:

- + Diện tích gieo trồng lúa
- + Sản lượng lúa
- + Năng suất lúa
- + Bình quân lương thực trên đầu người
- + Các vùng sản xuất lương thực lớn.

Đây là những kiến thức cơ bản mà mục tiêu của bài học đã đề ra.

c. Bước 3: Thiết kế các hoạt động dạy học

Từ việc phân tích, đánh giá bản đồ và xác định nội dung dạy học như trên, giáo viên chọn lựa các nội dung trên bản đồ có thể sử dụng để thiết kế hoạt động dạy học. Đối với tiểu mục này, có thể sử dụng nội dung *Diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh* và *Biểu đồ diện tích và sản lượng lúa cả nước qua các năm* trên bản đồ Lúa năm 2007 trong atlas Địa lí Việt

Nam, đồng thời căn cứ vào điều kiện cụ thể chọn phương pháp dạy học thích hợp để thiết kế hoạt động học tập cho HS. Giáo viên có thể tổ chức cho HS tiến hành hoạt động học tập theo nhóm. Tùy theo sĩ số HS mà lớp sẽ được chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm khoảng 4 HS. Tất cả các

nhóm đều thực hiện một nhiệm vụ chung là phân tích nội dung bản đồ để hoàn thành phiếu học tập (hình 2); sau đó giáo viên sẽ chỉ định một nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ; các nhóm còn lại sẽ trao đổi, bổ sung; cuối cùng giáo viên chuẩn lại kiến thức.

PHIẾU HỌC TẬP				
Tình hình SX	2000	2005	2007	Nhận xét và giải thích
Diện tích trồng lúa				
Sản lượng lúa				
Năng suất lúa				
Bình quân lương thực trên đầu người				
Các vùng sản xuất lương thực lớn				

Hình 2. Phiếu học tập

Để hoàn thành phiếu học tập này, các nhóm HS sử dụng bản đồ Lúa năm 2007 và tiến hành các công việc sau:

- Phân tích *Biểu đồ diện tích và sản lượng lúa cả nước qua các năm 2000, 2005 và 2007* để biết được tình hình về diện tích trồng lúa của nước ta. Qua phân tích này có thể thấy diện tích trồng lúa giảm từ trên 7.666 nghìn ha (năm 2000) xuống còn trên 7.329 nghìn ha (năm 2005) và 7.207 nghìn ha (năm 2007), trái lại, sản lượng lúa lại tăng từ trên 32.530 nghìn tấn (năm 2000) lên 35,832 nghìn tấn (năm 2005) và 35.942 nghìn tấn (năm 2007). Có thể giải thích nguyên nhân của tình hình này là do năng suất lúa tăng lên.

- Để thấy được sự tăng lên của năng suất lúa thì lấy sản lượng lúa chia cho diện tích trồng lúa của 3 năm 2000, 2005 và 2007. Qua đó có thể thấy năng suất lúa

tăng từ 42,4 tạ/ha/năm (năm 2000) lên 48,8 tạ/ha/năm (năm 2005) và 49,8 tạ/ha/năm (năm 2007). Nguyên nhân là do việc áp dụng rộng rãi các biện pháp thâm canh nông nghiệp, đưa vào sử dụng đại trà các giống lúa mới.

- Để biết được về tình hình bình quân lương thực trên đầu người thì lấy sản lượng lúa của 3 năm 2000, 2005 và 2007 chia cho dân số của 3 năm này được lấy từ biểu đồ *Dân số Việt Nam qua các năm* trên bản đồ Dân số, trang 15, atlas Địa lí Việt Nam. Kết quả cho thấy bình quân lương thực trên đầu người tăng từ 419kg/người/năm (năm 2000) lên 431kg/người/năm (năm 2005) nhưng sau đó giảm xuống còn 422kg/người/năm (năm 2007). Điều này thể hiện việc bảo đảm an ninh lương thực chưa thật sự ổn định.

- Về các vùng sản xuất lương thực lớn, quan sát các biểu đồ cột biểu hiện diện tích và sản lượng lúa của các tỉnh sẽ thấy được đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực lớn nhất, chiếm 50% diện tích và sản lượng lúa cả nước; đồng bằng sông Hồng là vùng sản xuất lương thực lớn thứ hai và có năng suất lúa cao nhất nước.

5. Kết luận

Phương pháp sử dụng bản đồ để thiết kế các hoạt động dạy học như trên đã đưa HS vào các hoạt động và làm cho HS tham gia tích cực vào việc xây dựng kiến thức nhằm giải quyết những nhiệm vụ đề ra. Có thể nói, với các hoạt động như thế này mới thể hiện được bản chất của tính tích cực, vì bản chất của tính tích cực được biểu hiện chủ yếu ở ý thức bên

trong chứ không chỉ là những biểu hiện bên ngoài của chủ thể hoạt động. Ý thức bên trong của chủ thể hoạt động thể hiện ở thái độ đối với đối tượng nhận thức, xác định nhiệm vụ cần giải quyết và tiến hành các hoạt động giải quyết vấn đề nhằm nhận thức đối tượng.

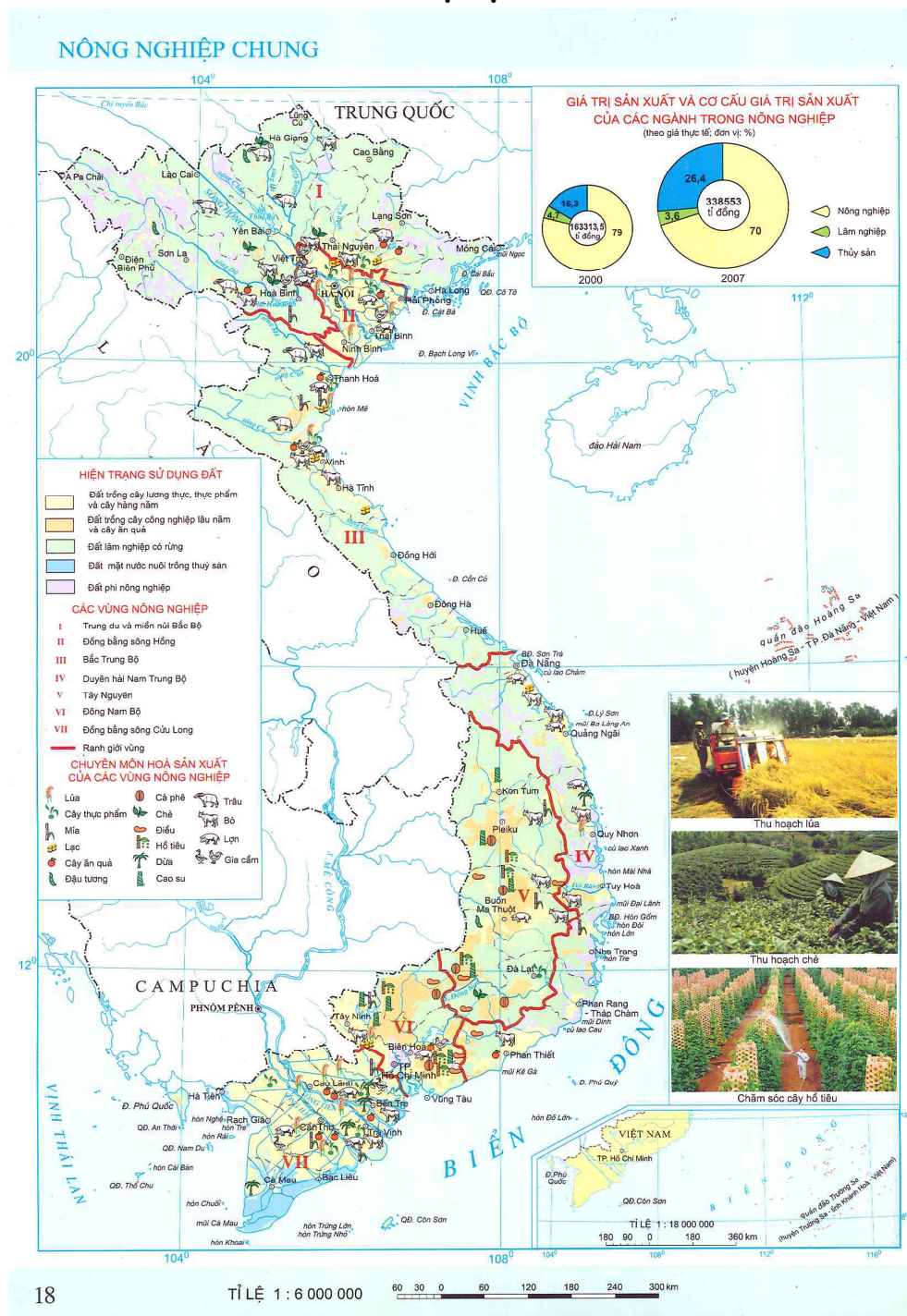
Phương pháp sử dụng bản đồ theo hướng phát huy tính tích cực của HS không những góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc dạy học Địa lí ở trường phổ thông mà còn giúp phát triển năng lực sử dụng bản đồ. Đây là một trong những năng lực chuyên biệt quan trọng của môn Địa lí, được xác định trong chương trình đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của HS và đang được triển khai ở các trường phổ thông của nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

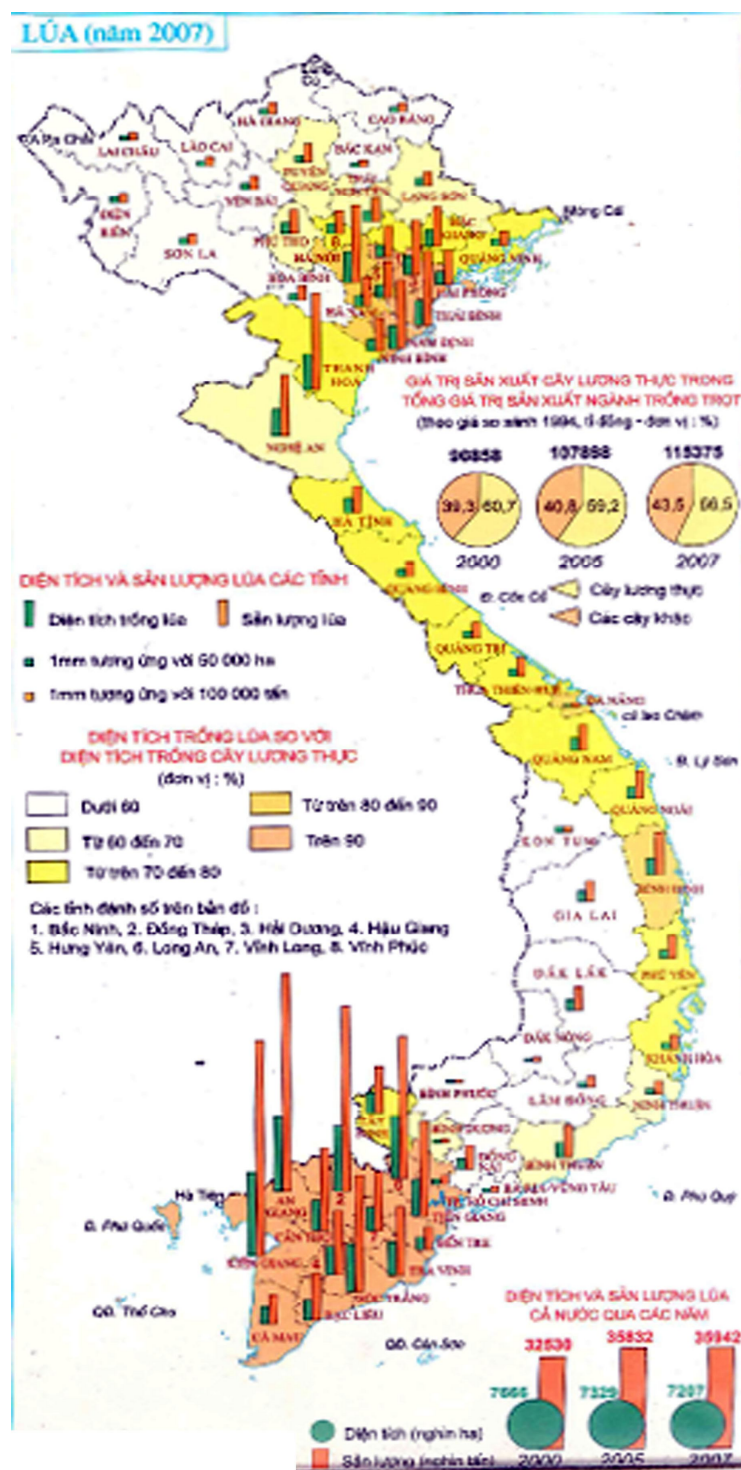
1. Nguyễn Dược, Nguyễn Trọng Phúc (2004), *Lí luận dạy học địa lí*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Luyện (2004), *Phương pháp sử dụng video trong dạy học Địa lí 11 theo hướng phát huy tính tích cực của HS*, Luận án Tiến sĩ.
3. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Ngô Đạt Tam (chủ biên) (1986), *Bản đồ học*, Nxb Giáo dục.
5. Ngô Đạt Tam, Nguyễn Quý Thao (2012), *Atlas Địa lí Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
6. Lê Thông (tổng chủ biên) (2013), *Địa lí 12*, Nxb Giáo dục.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 06-9-2015; ngày phản biện đánh giá: 13-10-2015;
ngày chấp nhận đăng: 24-11-2015)

PHỤ LỤC



Hình 1. Bản đồ nông nghiệp chung



Hình 2. Bản đồ lúa năm 2007